NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT
32 Nguyễn Công Trứ, Phường 1, TP. Vị Thanh,
Tỉnh Hậu Giang

Mẫu số: B02a/TCTD
(Ban hành theo TT số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31/12/2014)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2015	31/12/2014
A	**TÀI SẢN**		**103.188.485.952.197**	**100.801.753.584.909**
I	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**		**503.300.617.545**	**325.286.114.054**
II	**Tiền gửi tại NHNN**		**1.453.616.057.610**	**1.617.624.336.977**
III	**Tiền gửi và cho vay các TCTD khác**		**3.534.864.611.624**	**9.686.853.550.974**
1	Tiền gửi tại các TCTD khác		1.814.001.330.206	6.003.362.269.926
2	Cho vay các TCTD khác		1.720.863.281.418	3.683.491.281.048
3	Dự phòng rủi ro (*)		-	-
IV	**Chứng khoán kinh doanh**	**4**	**1.118.081**	**1.118.081**
1	Chứng khoán kinh doanh (*)		1.310.269	1.310.269
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (*)		(192.188)	(192.188)
V	**Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**	**5**	-	-
VI	**Cho vay khách hàng**	**6**	**47.467.614.085.949**	**40.815.654.331.065**
1	Cho vay khách hàng		47.961.724.084.962	41.289.105.052.948
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (*)		(494.109.999.013)	(473.450.721.883)
VII	**Hoạt động mua nợ**		-	-
1	Mua nợ		-	-
2	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ (*)		-	-
VII	**Chứng khoán đầu tư**	**7**	**36.951.611.067.263**	**36.252.486.167.730**
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		35.555.847.319.295	34.782.577.599.519
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		1.583.185.238.072	1.590.510.478.075
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư (*)		(187.421.490.104)	(120.601.909.864)
VIII	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	**8**	**324.730.750.000**	**324.730.750.000**
1	Đầu tư vào công ty con		-	-
2	Vốn góp liên doanh		-	-
3	Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4	Đầu tư dài hạn khác		324.730.750.000	324.730.750.000
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)		-	-
IX	**Tài sản cố định**		**1.097.971.527.096**	**1.081.017.880.847**
1	Tài sản cố định hữu hình		741.214.284.815	737.509.582.197
a	Nguyên giá TSCĐ		1.090.425.127.126	1.054.320.065.216
b	Hao mòn TSCĐ (*)		(349.210.842.311)	(316.810.483.019)
2	Tài sản cố định vô hình		356.757.242.281	343.508.298.650
a	Nguyên giá TSCĐ		402.257.189.189	386.428.244.189
b	Hao mòn TSCĐ (*)		(45.499.946.908)	(42.919.945.539)
XI	**Tài sản có khác**		**11.854.776.117.029**	**10.698.099.335.181**
1	Các khoản phải thu		7.794.637.586.989	6.955.886.850.189
2	Các khoản lãi, phí phải thu		3.535.958.914.957	3.197.862.853.123
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4	Tài sản có khác		530.594.741.288	550.764.758.074
	Trong đó: Lợi thế thương mại		203.803.926.643	211.956.083.707
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (*)		(6.415.126.205)	(6.415.126.205)
TỔNG TÀI SẢN CÓ			**103.188.485.952.197**	**100.801.753.584.909**

NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT
32 Nguyễn Công Trứ, Phường 1, TP. Vị Thanh,
Tỉnh Hậu Giang

Mẫu số: B02a/TCTD
(Ban hành theo TT số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31/12/2014)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2015	31/12/2014
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**103.188.485.952.197**	**100.801.753.584.909**
I	**Các khoản nợ Chính phủ và NHNN**	**9**	**229.733.589.035**	**25.935.025.000**
II	**Tiền gửi và vay các TCTD**	**10**	**11.815.640.930.549**	**12.851.116.069.442**
1	Tiền gửi của các TCTD khác		9.658.771.773.065	10.520.081.034.930
2	Vay các TCTD khác		2.156.869.157.484	2.331.035.034.512
III	**Tiền gửi của khách hàng**	**11**	**81.302.503.401.421**	**77.819.858.851.373**
IV	**Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác**	**5**	**1.785.974.458**	**45.096.276.542**
V	**Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro**		**1.072.900.000.000**	**1.062.300.000.000**
VI	**Phát hành giấy tờ có giá**		-	-
VII	**Các khoản nợ khác**	**12**	**1.405.672.373.666**	**1.606.351.302.313**
1	Các khoản lãi, phí phải trả		1.095.255.334.312	1.302.724.782.805
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3	Các khoản phải trả và công nợ khác		310.417.039.354	303.626.519.508
4	Dự phòng rủi ro khác		-	-
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**95.828.236.269.129**	**93.410.657.524.670**
VIII	**Vốn chủ sở hữu**	**14**	**7.360.249.683.068**	**7.391.096.060.239**
1	Vốn của TCTD		6.523.330.889.872	6.523.330.889.872
a	Vốn điều lệ		6.460.000.000.000	6.460.000.000.000
b	Thặng dư vốn cổ phần		63.330.889.872	63.330.889.872
c	Vốn khác		-	-
2	Quỹ của TCTD		662.740.058.250	662.740.058.250
3	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
4	Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế		174.178.734.946	205.025.112.117
IX	**Lợi ích của cổ đông thiểu số**		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			**103.188.485.952.197**	**100.801.753.584.909**

NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT
32 Nguyễn Công Trứ, Phường 1, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

Mẫu số: B02a/TCTD
(Ban hành theo TT số 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2015	31/12/2014
1	**Bảo lãnh vay vốn**		**507.000.000.000**	**507.000.000.000**
2	**Cam kết giao dịch hối đoái**		**11.372.266.456.044**	**7.883.553.462.345**
	Cam kết mua ngoại tệ		818.798.840.805	690.495.000.000
	Cam kết bán ngoại tệ		175.068.200.081	339.936.000.000
	Cam kết giao dịch hoán đổi		10.378.399.415.158	6.853.122.462.345
	Cam kết giao dịch tương lai		-	-
	Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
3	**Cam kết trong nghiệp vụ L/C**		**2.373.566.929.917**	**2.331.039.826.084**
4	**Bảo lãnh khác**		**2.221.962.967.726**	**2.166.197.606.044**
5	**Cam kết khác**		**4.468.569.418.785**	**2.866.357.748.785**

Hậu Giang, ngày 25 tháng 04 năm 2015

Lập bảng	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Nguyễn Tiến Công	Nguyễn Thị Gấm	Phạm Doãn Sơn

M.S.D.N: 6300048638 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT
TP. VỊ THANH - T. HẬU GIANG

NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT
32 Nguyễn Công Trứ, Phường 1, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

Mẫu số: B02a/TCTD
(Ban hành theo TT số 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Qúy I năm 2015

Đơn vị tính:VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Phát sinh trong quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014
1	Thu nhập lãi là các khoản thu nhập tương tự	15	1.592.977.393.368	1.420.341.278.725	1.592.977.393.368	1.420.341.278.725
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	16	993.057.687.296	950.532.152.097	993.057.687.296	950.532.152.097
I	**Thu nhập lãi thuần**		**599.919.706.072**	**469.809.126.628**	**599.919.706.072**	**469.809.126.628**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		11.574.905.918	12.061.722.178	11.574.905.918	12.061.722.178
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		73.864.142.461	77.195.033.096	73.864.142.461	77.195.033.096
II	**Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ**		**(62.289.236.543)**	**(65.133.310.918)**	**(62.289.236.543)**	**(65.133.310.918)**
III	**Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**		**(4.594.320.711)**	**12.897.563.033**	**(4.594.320.711)**	**12.897.563.033**
IV	**Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	**17**	**(57.414.060)**	**(58.051.994)**	**(57.414.060)**	**(58.051.994)**
V	**Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**18**	**8.617.573.430**	**48.753.059.322**	**8.617.573.430**	**48.753.059.322**
5	Thu nhập từ hoạt động khác		3.912.305.748	3.691.075.289	3.912.305.748	3.691.075.289
6	Chi phí từ hoạt động khác		13.280.827.993	3.897.147.680	13.280.827.993	3.897.147.680
VI	**Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác**		**(9.368.522.245)**	**(206.072.391)**	**(9.368.522.245)**	**(206.072.391)**
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	**19**	**-**	**-**	**-**	**-**
VIII	**Chi phí hoạt động**	**20**	**320.228.786.844**	**283.173.238.388**	**320.228.786.844**	**283.173.238.388**
IX	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**211.998.999.099**	**182.889.075.292**	**211.998.999.099**	**182.889.075.292**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**98.332.186.296**	**-**	**98.332.186.296**	**-**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**113.666.812.803**	**182.889.075.292**	**113.666.812.803**	**182.889.075.292**

NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT
32 Nguyễn Công Trứ, Phường 1, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

Mẫu số: B02a/TCTD
(Ban hành theo TT số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31/12/2014)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Qúy I năm 2015

Đơn vị tính:VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Phát sinh trong quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		4.088.077.857	21.765.271.819	4.088.077.857	21.765.271.819
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	-
XII	**Chi phí thuế TNDN**		**4.088.077.857**	**21.765.271.819**	**4.088.077.857**	**21.765.271.819**
XIII	**Lợi nhuận sau thuế**		**109.578.734.946**	**161.123.803.473**	**109.578.734.946**	**161.123.803.473**
XIV	**Lợi ích của cổ đông thiểu số**		-	-	-	-
XV	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**		-	-	-	-

Hậu Giang, ngày 25 tháng 04 năm 2015

Lập bảng	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Nguyễn Tiến Công	Nguyễn Thị Gấm	Phạm Doãn Sơn

NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT
32 Nguyễn Công Trứ, Phường 1, TP. Vị Thanh,
Tỉnh Hậu Giang

Mẫu số: B04a/TCTD
(Ban hành theo TT số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31/12/2014)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý I năm 2015

Đơn vị tính:VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2015	31/03/2014
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		1.256.927.817.241	1.198.246.043.036
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả (*)		(1.200.537.138.189)	(782.903.972.626)
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		(62.289.236.543)	(65.133.310.918)
4	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ,vàng bạc,chứng khoán)		(8.255.535.835)	12.939.257.393
5	Thu nhập khác		(11.382.658.863)	229.002.807
6	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro		72.750.000	-
7	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ (*)		(199.782.148.617)	(198.650.337.743)
8	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ (*)		(25.664.605.507)	(50.678.456.255)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		**(250.910.756.313)**	**114.048.225.694**
	Những thay đổi về tài sản hoạt động		**(6.390.138.632.836)**	**(11.236.389.398.087)**
9	(Tăng)/Giảm các khoản tiền vàng và cho vay các TCTD khác		1.962.627.999.630	154.597.000.000
10	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(770.570.772.327)	(6.366.182.322.244)
11	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	3.140.198.356
12	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(6.672.619.032.014)	(2.083.334.200.641)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		6.050.000	(97.286.170.663)
14	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(909.582.878.125)	(2.847.323.902.895)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động		**2.654.222.164.227**	**5.334.684.940.097**
15	Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		203.798.564.035	1.629.045.000
16	Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		(1.035.475.138.893)	(934.499.073.178)
17	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		3.482.644.550.048	6.440.314.136.170
18	Tăng/(Giảm) phát hành GTCG (ngoại trừ GTCG phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		-	-
19	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		10.600.000.000	4.684.459.376

NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT
32 Nguyễn Công Trứ, Phường 1, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

Mẫu số: B04a/TCTD
(Ban hành theo TT số 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ(Tiếp theo)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý I năm 2015

Đơn vị tính:VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2015	31/03/2014
20	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(43.310.302.084)	(3.962.261.601)
21	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		36.540.449.111	(160.190.621.686)
22	Chi từ quỹ của TCTD (*)		(575.957.990)	(13.290.743.984)
I	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(3.986.827.224.922)**	**(5.787.656.232.296)**
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Mua sắm TSCĐ (*)		(60.569.134.816)	(30.471.562.417)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1.721.249	481.859.184
3	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ(*)		(73.275.865)	(101.700.695)
4	Mua sắm Bất động sản đầu tư (*)		-	-
5	Tiền thu từ bán,thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
6	Tiền chi ra do bán,thanh lý bất động sản đầu tư (*)		-	-
7	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (Chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác) (*)		-	-
8	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (Thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
9	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đầu tư, góp vốn dài hạn		-	-
II	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(60.640.689.432)**	**(30.091.403.928)**
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	
1	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/ hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
2	Tiền thu từ phát hành GTCG có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
3	Tiền chi thanh toán GTCG có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác (*)		-	-
4	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia (*)		(129.200.000.000)	(129.200.000.000)
5	Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ (*)		-	-
6	Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-

NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT
32 Nguyễn Công Trứ, Phường 1, TP. Vị Thanh,
Tỉnh Hậu Giang

Mẫu số: B04a/TCTD
(Ban hành theo TT số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31/12/2014)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý I năm 2015

Đơn vị tính:VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2015	31/03/2014
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(129.200.000.000)	(129.200.000.000)
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.176.667.914.354)	(5.946.947.636.224)
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ		7.946.272.720.957	17.338.709.503.251
VI	Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		1.313.198.758	(498.079.630)
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ		3.770.918.005.361	11.391.263.787.397

Hậu giang, ngày 25 tháng 04 năm 2015

Lập bảng	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Nguyễn Tiến Công	Nguyễn Thị Gấm	Phạm Doãn Sơn

M.S.D.N: 6300048639 C.T.C.P NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT TP. VỊ THANH-T.HẬU GIANG